



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho
kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Đình Long	Chủ tịch
	Ông Trần Tuấn Dương	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Chủ tịch
	Ông Doãn Gia Cường	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên
	Ông Hoàng Quang Việt	Thành viên
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên
	Ông Tạ Tuấn Quang	Thành viên (đến ngày 22/04/2021)
Ông Hans Christian Jacobsen	Thành viên (đến ngày 22/04/2021)	
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Việt Thắng	Tổng Giám đốc (từ ngày 26/04/2021)
	Ông Trần Tuấn Dương	Tổng Giám đốc (đến ngày 25/04/2021)
	Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 25/04/2021)

Thông tin về Công ty

Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 9 tháng 1 năm 2007, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0900189284 ngày 30 tháng 6 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh và cổ tức

Lợi nhuận thuần trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Công ty là 783.497 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020: 2.447.563 triệu VND).

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2020 cho các cổ đông theo tỷ lệ 40% bao gồm 35% bằng cổ phiếu (cổ đông sở hữu 20 cổ phiếu thường được nhận 7 cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức) và 5% bằng tiền (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu thường được nhận 500 đồng). Phương án chi trả cổ tức này đã được Hội đồng Quản trị Công ty ra nghị quyết thực hiện vào ngày 26 tháng 4 năm 2021. Ngày 22 tháng 6 năm 2021, số cổ phiếu phát hành để chi trả cổ tức được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận niêm yết.

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Công ty là Công ty TNHH KPMG.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị và các cổ đông của Công ty rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Nguyễn Việt Thắng
Tổng Giám đốc

Hưng Yên, 26-08-2021



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 26-08-2021, được trình bày từ trang 6 đến trang 49.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 19-02-00206-21-1



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **26 -08- 2021**

Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3073-2019-007-1

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		9.801.770.200.851	8.137.556.149.650
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	1.400.029.635.336	2.129.879.209.901
Tiền	111		32.729.635.336	192.879.209.901
Các khoản tương đương tiền	112		1.367.300.000.000	1.937.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.461.200.000.000	2.355.200.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	16.1	6.461.200.000.000	2.355.200.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.916.028.204.535	3.627.788.202.930
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	30.408.197.383	48.750.682.276
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	16.455.101.476	98.851.993.579
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11	776.800.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	12.1	1.092.364.905.676	3.480.185.527.075
Hàng tồn kho	140		35.000.000	439.106.757
Tài sản ngắn hạn khác	150		24.477.360.980	24.249.630.062
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17.1	23.562.823.574	18.422.598.861
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		482.753.916	518.061.525
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	19	431.783.490	5.308.969.676

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 250 + 260)	200		52.959.948.630.839	56.382.740.710.369
Các khoản phải thu dài hạn	210		4.166.939.305.381	8.323.423.383.342
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	2.086.315.545.207
Phải thu dài hạn khác	216	12.2	4.166.939.305.381	6.237.107.838.135
Tài sản cố định	220		74.035.446.463	76.284.124.077
Tài sản cố định hữu hình	221	13	44.895.472.092	45.161.661.568
Nguyên giá	222		119.635.839.698	117.797.217.221
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(74.740.367.606)	(72.635.555.653)
Tài sản cố định vô hình	227	14	29.139.974.371	31.122.462.509
Nguyên giá	228		47.659.621.840	47.659.621.840
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.519.647.469)	(16.537.159.331)
Bất động sản đầu tư	230	15	167.847.322.983	175.171.185.123
Nguyên giá	231		298.548.709.832	298.548.709.832
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(130.701.386.849)	(123.377.524.709)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	48.505.345.000.000	47.756.469.800.000
Đầu tư vào công ty con	251	16.2	48.484.645.000.000	47.585.769.800.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16.2	700.000.000	700.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	16.1	20.000.000.000	170.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		45.781.556.012	51.392.217.827
Chi phí trả trước dài hạn	261	17.2	45.781.556.012	51.392.217.827
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		62.761.718.831.690	64.520.296.860.019

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		4.585.087.178.446	5.164.520.766.372
Nợ ngắn hạn	310		2.450.933.331.545	2.307.289.996.605
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	5.552.651.694	21.556.063.362
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	112.470.878.864
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	63.249.087.884	2.553.694.201
Phải trả người lao động	314		946.116.629	1.993.697.209
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	22.187.809.720	63.110.479.549
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.364.757.034	2.808.470.364
Phải trả ngắn hạn khác	319		5.327.819.188	3.168.996.408
Vay ngắn hạn	320	21.1	1.422.769.230.342	1.428.615.384.187
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	928.535.859.054	671.012.332.461
Nợ dài hạn	330		2.134.153.846.901	2.857.230.769.767
Vay dài hạn	338	21.2	2.134.153.846.901	2.857.230.769.767
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		58.176.631.653.244	59.355.776.093.647
Vốn chủ sở hữu	410	23	58.176.631.653.244	59.355.776.093.647
Vốn cổ phần	411	24	44.729.227.060.000	33.132.826.590.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		44.729.227.060.000	33.132.826.590.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.211.560.416.270	3.211.560.416.270
Quỹ đầu tư phát triển	418		902.000.000.000	902.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.333.844.176.974	22.109.389.087.377
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		8.550.347.287.877	5.895.983.018.790
- LNST chưa phân phối kỳ này/ năm nay	421b		783.496.889.097	16.213.406.068.587
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		62.761.718.831.690	64.520.296.860.019

26 -08- 2021

Người lập:



Nguyễn Diệu Linh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Thắng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	152.975.893.936	618.782.712.341
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		30.167.600	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		152.945.726.336	618.782.712.341
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	143.009.276.824	560.830.937.666
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		9.936.449.512	57.951.774.675
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	1.461.676.915.591	2.612.402.746.620
Chi phí tài chính	22	30	525.808.736.246	186.848.071.779
Trong đó: chi phí lãi vay	23		84.593.936.246	166.848.071.779
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	151.961.431.608	35.538.017.935
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		793.843.197.249	2.447.968.431.581
Thu nhập khác	31		219.951	-
Chi phí khác	32		446.457.986	404.997.453
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(446.238.035)	(404.997.453)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		793.396.959.214	2.447.563.434.128
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	9.900.070.117	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		783.496.889.097	2.447.563.434.128

26-08-2021

Người lập:



Nguyễn Diệu Linh
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh
 Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Thắng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		793.396.959.214	2.447.563.434.128
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		13.998.499.014	15.828.977.278
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(14.615.384.617)	20.000.000.000
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.003.263.338.324)	(2.611.768.105.468)
Chi phí lãi vay	06		84.593.936.246	166.848.071.779
(Lỗ)/ lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(125.889.328.467)	38.472.377.717
Biến động các khoản phải thu	09		93.976.664.132	7.180.365.110
Biến động hàng tồn kho	10		404.106.757	(16.321.790.567)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(128.696.690.119)	218.472.727.456
Biến động chi phí trả trước	12		(8.299.414.160)	(3.286.576.040)
			(168.504.661.857)	244.517.103.676
Tiền lãi vay đã trả	14		(116.793.597.839)	(135.491.574.459)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(47.367.934.616)	(123.469.100.046)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(332.666.194.312)	(14.443.570.829)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(6.408.222.477)	(1.855.610.404)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		427.272.727	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(9.262.500.000.000)	(2.432.613.784.431)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		6.616.015.545.207	267.800.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(45.384.670.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		44.542.580.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và lợi nhuận từ các công ty con	27		5.411.705.631.259	2.503.814.478.699
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.917.150.226.716	337.145.083.864

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(714.307.692.094)	-
Tiền trả cổ tức	36		(1.600.025.914.875)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.314.333.606.969)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(729.849.574.565)	322.701.513.035
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		2.129.879.209.901	837.622.842.688
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	8	1.400.029.635.336	1.160.324.355.723

26 -08- 2021

Người lập:



Nguyễn Diệu Linh
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh
 Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Thắng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

1.2 Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng, quảng cáo, mua bán các sản phẩm thép và đầu tư tài chính.

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

1.4 Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 4 công ty con cấp 1 (1/1/2021: 14 công ty con cấp 1) được liệt kê trong Thuyết minh 16.2

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 116 nhân viên (1/1/2021: 111 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

2.1 Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

2.2 Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

3.1 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả cố gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3.3 Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(c) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong kỳ.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

(a) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyên	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

3.6 Tài sản cố định vô hình

(a) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(b) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 6 năm.

3.7 Bất động sản đầu tư cho thuê

(a) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	20 năm
-----------	--------

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3.8 Chi phí trả trước dài hạn

(a) Chi phí sửa chữa văn phòng

Chi phí sửa chữa văn phòng bao gồm các chi phí liên quan đến việc sửa chữa, thay thế các công trình hạng mục của văn phòng Công ty. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong thời gian 3 năm.

(b) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, là những tư liệu lao động không có đủ các tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định đối với tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(c) Chi phí làm thủ tục vay

Chi phí liên quan đến khoản vay bao gồm các chi phí dàn xếp, chi phí đảm bảo và phí đại lý. Chi phí liên quan đến khoản vay được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong thời gian của khoản vay là 5 năm.

3.9 Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

3.10 Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

3.11 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần giá phát hành vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

3.12 Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(a) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và phải thu.

(b) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc

ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh cho báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

3.13 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

3.14 Doanh thu và thu nhập khác

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(c) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(d) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian, dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(e) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

3.15 Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

3.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con và công ty liên kết của Công ty.

3.18 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị

Ngày 4 tháng 1 năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng 9 công ty con cho 3 công ty cùng Tập đoàn và 1 công ty con cho bên thứ 3. (Thuyết minh 16.2)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

8.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tiền mặt	1.029.453.919	219.126.038
Tiền gửi ngân hàng	31.700.181.417	192.660.083.863
Các khoản tương đương tiền	1.367.300.000.000	1.937.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	1.400.029.635.336	2.129.879.209.901
	<hr/>	<hr/>

8.2 Ngoại tệ bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	867	19.052.094	1.102	24.046.187
		<hr/>		<hr/>

9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và bên liên quan:

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Bên liên quan		
<i>Công ty con</i>		
Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương	10.374.374.483	17.384.379.062
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	4.861.709.512	13.999.663.626
Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất	2.065.361.833	12.444.325.976
Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	2.893.438.333	3.710.520.559
Công ty TNHH Tôn Hòa Phát	7.983.181.552	234.866.328
Các bên liên quan khác	2.023.420.509	972.548.069
Bên khác		
Các khách hàng khác	206.711.161	4.378.656
	<hr/>	<hr/>
	30.408.197.383	48.750.682.276
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 – 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Trả trước cho người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan:

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Bên liên quan		
<i>Công ty con</i>		
Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương	-	81.139.540.680
Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	-	14.990.469.140
Bên khác		
Guangxi Pingxiang Futai Imp. &Exp. Trade Co., Ltd.	8.107.176.000	-
Công ty CP Quảng cáo Thương mại Sen Vàng	-	936.000.000
Công ty TNHH Minh Long 1	667.920.000	79.508.000
Các nhà cung cấp khác	7.680.005.476	1.706.475.759
	16.455.101.476	98.851.993.579

11. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Bên liên quan		
<i>Công ty con</i>		
Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất	424.000.000.000	-
Công ty CP Vận tải biển Hòa Phát	266.000.000.000	-
Công ty TNHH Chăn nuôi Đồng Phát (trước đây là Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Đồng Phát)	43.300.000.000	-
Công ty TNHH Chăn nuôi Hoà Phát Quảng Bình	40.000.000.000	-
Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Hùng (trước đây là Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Việt Hùng)	3.500.000.000	-
	776.800.000.000	-

Đây là các khoản cho vay bằng VND, không được đảm bảo, rút gốc linh hoạt cấp cho các công ty con của Công ty. Trong kỳ, các khoản cho vay này hưởng lãi suất cố định 3,5%/năm (2020: Không).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải thu khác

12.1 Phải thu ngắn hạn khác

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác chi tiết theo khoản mục:

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	993.219.491.026	3.416.491.096.676
Tiền lãi dự thu	96.712.338.073	58.097.040.266
Phải thu khác	2.433.076.577	5.597.390.133
	1.092.364.905.676	3.480.185.527.075

Lợi nhuận phải thu từ các công ty con không chịu lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

(b) Các khoản phải thu ngắn hạn khác chi tiết theo đối tượng:

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Bên liên quan		
<i>Công ty con</i>		
Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương	43.189.807	1.550.571.579.217
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	133.342.642.243	934.345.555.307
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	805.338.465.857	805.400.416.491
Các bên liên quan khác	55.201.652.067	130.704.077.038
Bên khác		
Các bên khác	98.438.955.702	59.163.899.022
	1.092.364.905.676	3.480.185.527.075

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12.2 Phải thu dài hạn khác

(a) Các khoản phải thu dài hạn khác chi tiết theo khoản mục:

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	4.162.844.305.381	6.233.008.838.135
Ký cược, ký quỹ	4.095.000.000	4.099.000.000
	4.166.939.305.381	6.237.107.838.135
	4.166.939.305.381	6.237.107.838.135

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác chi tiết theo đối tượng:

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty con		
Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất	3.574.799.084.716	3.574.799.084.716
Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương	-	1.546.610.551.538
Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	11.995.970.083	525.117.673.028
Công ty TNHH Tôn Hòa Phát	342.691.218.161	353.123.496.432
Công ty TNHH Chế tạo Kim loại Hòa Phát	233.358.032.421	233.358.032.421
Bên khác		
Các bên khác	4.095.000.000	4.099.000.000
	4.166.939.305.381	6.237.107.838.135
	4.166.939.305.381	6.237.107.838.135

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	24.860.459.741	6.432.481.745	54.221.674.417	32.282.601.318	117.797.217.221
Tăng trong kỳ	-	-	4.035.663.636	2.372.558.841	6.408.222.477
Thanh lý	-	-	(4.569.600.000)	-	(4.569.600.000)
Số dư cuối kỳ	24.860.459.741	6.432.481.745	53.687.738.053	34.655.160.159	119.635.839.698
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	7.358.502.903	4.926.019.340	35.483.074.463	24.867.958.947	72.635.555.653
Khấu hao trong kỳ	1.243.022.988	137.896.512	2.925.761.345	1.494.006.682	5.800.687.527
Thanh lý	-	-	(3.695.875.574)	-	(3.695.875.574)
Số dư cuối kỳ	8.601.525.891	5.063.915.852	34.712.960.234	26.361.965.629	74.740.367.606
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	17.501.956.838	1.506.462.405	18.738.599.954	7.414.642.371	45.161.661.568
Số dư cuối kỳ	16.258.933.850	1.368.565.893	18.974.777.819	8.293.194.530	44.895.472.092

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có các tài sản với nguyên giá 40.108 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 39.008 triệu VND).



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	28.755.408.500	18.904.213.340	47.659.621.840
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	16.537.159.331	16.537.159.331
Khấu hao trong kỳ	-	1.982.488.138	1.982.488.138
Số dư cuối kỳ	-	18.519.647.469	18.519.647.469
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	28.755.408.500	2.367.054.009	31.122.462.509
Số dư cuối kỳ	28.755.408.500	384.565.871	29.139.974.371

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có các tài sản với nguyên giá 15.753 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 3.214 triệu VND).



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	298.548.709.832
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	123.377.524.709
Khấu hao trong kỳ	7.323.862.140
Số dư cuối kỳ	130.701.386.849
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	175.171.185.123
Số dư cuối kỳ	167.847.322.983

Bất động sản đầu tư của Công ty là tòa nhà văn phòng tại số 39 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội và tòa nhà văn phòng tại 643-645 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày báo cáo, Công ty không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy cho loại bất động sản đầu tư này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Đầu tư tài chính

16.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số lượng	Giá gốc VND	30/6/2021	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	Giá gốc VND	1/1/2021	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn								
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)		6.461.200.000.000		6.461.200.000.000		2.355.200.000.000		2.355.200.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn								
▪ Tiền gửi có kỳ hạn		-		(*)		150.000.000.000		(*)
▪ Trái phiếu (ii)	2.000	20.000.000.000		(*)	2.000	20.000.000.000		(*)
		20.000.000.000		(*)		170.000.000.000		(*)

(i) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại các tổ chức tài chính, hưởng lãi suất từ 3,7% đến 6,4% (2020: từ 4% đến 7,3%) một năm.

(ii) Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm 115.000 triệu VND được dùng để thế chấp cho ngân hàng để bảo đảm cho các hợp đồng vay của Công ty TNHH MTV Thép dự ứng lực Hòa Phát, một công ty con cấp 3 của Công ty (1/1/2021: Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng bao gồm 196.700 triệu VND được dùng để thế chấp cho ngân hàng để bảo đảm cho các hợp đồng L/C của Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất, một công ty con cấp 2 của Công ty).

(*) Đây là khoản trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, đáo hạn vào năm 2026 và hưởng lãi suất hàng năm là lãi suất tham chiếu + 1%. Lãi suất tham chiếu được tính là bình quân lãi suất tiết kiệm cá nhân trả sau kỳ hạn 12 tháng công bố trên trang tin của 4 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá ghi sổ.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2021		1/1/2021	
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:				
▪ Công ty con				
- Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông (iii)	-	-	-	845.030.800.000
- Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương (iii)	-	-	-	7.095.864.000.000
- Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất (iii)	-	-	-	29.800.000.000.000
- Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên (iii)	-	-	-	1.000.000.000.000
- Công ty TNHH Chế tạo Kim loại Hòa Phát (iii)	-	-	-	399.500.000.000
- Công ty TNHH Ông thép Hòa Phát (iii)	-	-	-	1.499.500.000.000
- Công ty TNHH Tồn Hòa Phát (iii)	-	-	-	2.000.000.000.000
- Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát (iii)	-	-	-	149.500.000.000
- Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát (iii)	-	-	-	1.298.000.000.000
- Công ty CP Nội thất Hòa Phát (iii)	-	-	-	398.400.000.000
- Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát	99,999%	99,999%	3.099,975.000.000	3.099,975.000.000
- Công ty CP Gang thép Hòa Phát (i)	99,998%	99,998%	38.999,220.000.000	-
- Công ty CP Sản phẩm Thép Hòa Phát (ii)	99,994%	99,994%	4.387,450.000.000	-
- Công ty CP Phát triển Bất động sản Hòa Phát (i)	99,90%	99,90%	1.998.000.000.000	-
			48.484.645.000.000	47.585.769.800.000
▪ Đơn vị khác				
- Công ty CP Phát triển Đô thị Bắc Hà Nội	7%	7,99%	700.000.000	700.000.000
			48.485,345.000.000 (*)	47.586,469.800.000 (*)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công ty con và đơn vị khác được thành lập tại Việt Nam.

- (i) Đây là các Công ty con cấp 1 mới thành lập trong năm 2020. Trong kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát đã góp đủ vốn vào các Công ty con này.
- (ii) Đây là Công ty con cấp 1 mới thành lập trong năm 2020. Trong kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát đã góp 4.387.450.000.000 VND trên tổng vốn đã cam kết 5.499.650.000.000 VND, số vốn còn lại đã được góp đủ tại ngày 9 tháng 7 năm 2021.
- (iii) Ngày 4 tháng 1 năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại các công ty con này. Việc chuyển nhượng đã hoàn thành trong kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021. Theo đó:
- Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản An Thông, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất, Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên, Công ty TNHH Chế tạo Kim loại Hòa Phát chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Gang Thép Hòa Phát;
 - Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát, Công ty TNHH Tôn Hòa Phát chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Sản phẩm Thép Hòa Phát;
 - Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát, Công ty Cổ phần CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát;
 - Công ty Cổ phần Nội thất Hòa Phát chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Nội thất Eden Việt Nam.
- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào công ty con và đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

17. Chi phí trả trước

17.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Chi phí quảng cáo	13.430.177.988	7.604.127.181
Chi phí thuê văn phòng	9.437.727.272	10.295.788.858
Chi phí khác	694.918.314	522.682.822
	<hr/>	<hr/>
	23.562.823.574	18.422.598.861

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17.2 Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí sửa chữa vận phòng VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí làm thủ tục vay VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	2.132.425.181	462.002.685	48.233.751.248	564.038.713	51.392.217.827
Tăng trong kỳ	226.668.040	33.356.590	-	5.941.380.000	6.201.404.630
Phân bổ trong kỳ	(629.419.599)	(129.995.682)	(8.769.851.262)	(2.282.799.902)	(11.812.066.445)
Số dư cuối kỳ	1.729.673.622	365.363.593	39.463.899.986	4.222.618.811	45.781.556.012

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Bên liên quan		
<i>Công ty con</i>		
Công ty TNHH Điện Lạnh Hòa Phát	192.300.006	54.800.001
Các bên liên quan khác	11.540.000	7.125.000
Bên khác		
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ in ấn và Quảng cáo truyền thông Lạc Việt	1.032.680.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ SCC	705.659.807	-
Công ty TNHH Quảng cáo trẻ Nghệ An	558.000.000	-
Công ty TNHH Bất động sản và Dịch vụ Dương Nguyễn	-	12.538.800.000
Công ty CP Thương mại In Nhật Nam	-	2.990.284.770
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Táo Đỏ	-	806.202.474
Các nhà cung cấp khác	3.052.471.881	5.158.851.117
	5.552.651.694	21.556.063.362

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 - 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2021		Biến động trong kỳ		30/6/2021	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp/bù trừ với thuế được khấu trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	425.650.100	1.147.396.244	1.008.836.650	(1.573.483.198)	425.650.100	582.749.696
Thuế thu nhập cá nhân	-	123.989.432	59.432.671.787	(3.074.853.031)	-	56.481.808.188
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.883.319.576	-	9.900.070.117	-	-	5.016.750.541
Thuế nhà thầu	-	1.282.308.525	3.803.663.267	(3.918.192.333)	-	1.167.779.459
Tiền thuế đất	-	-	269.803.217	(275.936.607)	6.133.390	-
Thuế, phí khác	-	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
	5.308.969.676	2.553.694.201	74.421.045.038	(8.848.465.169)	431.783.490	63.249.087.884

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi phí phải trả ngắn hạn bao gồm chi phí lãi vay phải trả cho hợp đồng vay (Thuyết minh 21).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay

21.1 Vay ngắn hạn

	1/1/2021 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2021 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay dài hạn đến hạn trả	1.428.615.384.187	708.461.538.249	(714.307.692.094)	1.422.769.230.342

21.2 Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Ngân hàng BNP Paribas	USD	LIBOR+2,05%	2023	3.556.923.077.243	4.285.846.153.954
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(1.422.769.230.342)	(1.428.615.384.187)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				2.134.153.846.901	2.857.230.769.767

Khoản vay này có hạn mức là 200 triệu Đô la Mỹ, do Ngân hàng BNP Paribas - Chi nhánh Singapore làm đại diện cho các bên cho vay. Tài sản đảm bảo cho khoản vay bao gồm tài khoản thanh toán nợ mở tại ngân hàng quản lý tài khoản là Ngân hàng BNP Paribas – Chi nhánh Hà Nội và bảo lãnh của hai công ty con cấp 2 là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương và Công ty TNHH Ống Thép Hòa Phát.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	671.012.332.461	583.896.009.701
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 23)	306.000.000.000	220.000.000.000
Sử dụng trong kỳ	(48.476.473.407)	(124.367.900.046)
Số dư cuối kỳ	928.535.859.054	679.528.109.655

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	27.610.741.150.000	3.211.560.416.270	902.000.000.000	13.018.605.516.290	44.742.907.082.560
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	2.447.563.434.128	2.447.563.434.128
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(220.000.000.000)	(220.000.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	27.610.741.150.000	3.211.560.416.270	902.000.000.000	15.246.168.950.418	46.970.470.516.688
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	33.132.826.590.000	3.211.560.416.270	902.000.000.000	22.109.389.087.377	59.355.776.093.647
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	783.496.889.097	783.496.889.097
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 25)	11.596.400.470.000	-	-	(11.596.400.470.000)	-
Trả cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 25)	-	-	-	(1.656.641.329.500)	(1.656.641.329.500)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(306.000.000.000)	(306.000.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	44.729.227.060.000	3.211.560.416.270	902.000.000.000	9.333.844.176.974	58.176.631.653.244

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt				
	4.472.922.706	44.729.227.060.000	3.313.282.659	33.132.826.590.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	4.472.922.706	44.729.227.060.000	3.313.282.659	33.132.826.590.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	4.472.922.706	44.729.227.060.000	3.313.282.659	33.132.826.590.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu được Công ty mua lại và nắm giữ là cổ phiếu quỹ, tất cả các quyền đều bị treo cho đến khi tất cả các cổ phiếu này được phát hành lại.

Biến động của vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày			
	30/6/2021		30/6/2020	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu kỳ	3.313.282.659	33.132.826.590.000	2.761.074.115	27.610.741.150.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	1.159.640.047	11.596.400.470.000	-	-
Số dư cuối kỳ	4.472.922.706	44.729.227.060.000	2.761.074.115	27.610.741.150.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Cổ tức

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2020 cho các cổ đông theo tỷ lệ 40% bao gồm 35% bằng cổ phiếu (cổ đông sở hữu 20 cổ phiếu thường được nhận 7 cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức) và 5% bằng tiền (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu thường được nhận 500 đồng). Phương án chi trả cổ tức này đã được Hội đồng Quản trị Công ty ra nghị quyết thực hiện vào ngày 26 tháng 4 năm 2021. Ngày 22 tháng 6 năm 2021, sổ cổ phiếu phát hành để chi trả cổ tức được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận niêm yết.

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

26.1 Cam kết hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Trong vòng một năm	25.494.862.380	25.597.462.380
Trong vòng hai đến năm năm	101.979.449.520	102.389.849.520
Sau năm năm	40.316.547.920	53.243.529.110
	167.790.859.820	181.230.841.010

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, dịch vụ đã cung cấp và cho thuê tài sản không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	90.330.625.754	543.469.445.285
▪ Cung cấp dịch vụ	46.149.108.182	60.394.227.056
▪ Bất động sản đầu tư cho thuê	16.496.160.000	14.919.040.000
	152.975.893.936	618.782.712.341
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(30.167.600)	-
Doanh thu thuần	152.945.726.336	618.782.712.341

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hàng hóa đã bán	94.915.403.440	503.573.020.333
▪ Dịch vụ đã cung cấp	40.639.222.974	49.896.400.297
▪ Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	7.454.650.410	7.361.517.036
	<hr/>	<hr/>
	143.009.276.824	560.830.937.666

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	226.556.868.294	120.689.222.428
Lợi nhuận nhận được từ các công ty con	720.367.721.729	2.491.078.883.040
Lợi nhuận thu được từ chuyển nhượng công ty con	498.000.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.136.940.951	634.641.152
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	14.615.384.617	-
	<hr/>	<hr/>
	1.461.676.915.591	2.612.402.746.620

30. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí đi vay	84.593.936.246	166.848.071.779
Lỗ từ việc chuyển nhượng công ty con	441.214.800.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	20.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	525.808.736.246	186.848.071.779

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Chi phí nhân viên	14.399.511.661	10.157.713.176
Phân bổ chi phí sửa chữa văn phòng, công cụ và dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác	791.522.504	806.324.816
Chi phí khấu hao	6.051.155.628	7.909.011.711
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.530.308.491	10.156.286.171
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	119.188.933.324	6.508.682.061
	151.961.431.608	35.538.017.935

32. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	94.915.403.440	503.573.020.333
Chi phí nhân viên	14.399.511.661	10.157.713.176
Chi phí khấu hao	13.998.499.014	15.828.977.278
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.468.360.993	60.605.096.083
Chi phí khác	119.188.933.324	6.508.682.061
	195.970.708.432	596.667.489.131

33. Thuế thu nhập

33.1 Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	14.738.120.716	-
Dự phòng thừa các kỳ trước	(4.838.050.599)	-
	9.900.070.117	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	793.396.959.214	2.447.563.434.128
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán		
Chi phí không được khấu trừ	661.366.093	2.354.257.195
Lợi nhuận nhận được từ các công ty con sau thuế TNDN	(720.367.721.729)	(2.491.078.883.040)
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	73.690.603.578	(41.161.191.717)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	14.738.120.716	-
Dự phòng thừa các kỳ trước	(4.838.050.599)	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	9.900.070.117	-

33.3 Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

34. Các công cụ tài chính

34.1 Quản lý rủi ro tài chính

(a) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

(b) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

34.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu và các khoản cho vay các công ty con.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2021 Triệu VND	1/1/2021 Triệu VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(a)	1.399.000	2.129.660
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(b)	5.285.617	9.761.945
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(c)	6.481.200	2.525.200
Phải thu về cho vay	(d)	776.800	2.086.316
		<hr/>	<hr/>
		13.942.617	16.503.121

(a) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(b) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng.

Không có khoản phải thu nào đã quá hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (1/1/2021: Không).

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Ban Giám đốc tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày báo cáo.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các loại trái phiếu dễ thanh khoản.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Phải thu về cho vay

Phải thu về cho vay của Công ty là các khoản cho vay các công ty con. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản cho vay này và không cho rằng các công ty này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

34.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Tại ngày báo cáo, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong 1 năm Triệu VND	Trong 1 - 2 năm Triệu VND	Trong 2 - 5 năm Triệu VND
Ngày 30/6/2021					
Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	33.068	33.068	33.068	-	-
Các khoản vay	3.556.923	3.722.130	1.531.869	1.474.523	715.738
	3.589.991	3.755.198	1.564.937	1.474.523	715.738
Ngày 1/1/2021					
Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	87.836	87.836	87.836	-	-
Các khoản vay	4.285.846	4.461.909	1.529.333	1.487.303	1.445.273
	4.373.682	4.549.745	1.617.169	1.487.303	1.445.273

34.4 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(a) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có rủi ro tỷ giá từ giao dịch đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tại ngày báo cáo, Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/6/2021	1/1/2021
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	867	1.102
Các khoản vay	(153.846.154)	(184.615.385)
	<u>(153.845.287)</u>	<u>(184.614.283)</u>

Sau đây là tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	30/6/2021	1/1/2021
Tỷ giá mua USD/VND	22.920	23.035
Tỷ giá bán USD/VND	23.120	23.215

(b) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính hưởng lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2021	1/1/2021
	Triệu VND	Triệu VND
Các công cụ tài chính hưởng lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	8.605.300	6.528.516
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tài sản tài chính	20.000	20.000
Nợ phải trả tài chính	(3.556.923)	(4.285.846)
	<u>(3.536.923)</u>	<u>(4.265.846)</u>

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản về lãi suất sẽ làm tăng hoặc giảm 14.148 triệu VND lợi nhuận thuần của Công ty (2020: 34.127 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34.5 Giá trị hợp lý

(a) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán riêng, như sau:

	30/6/2021		1/1/2021	
	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:				
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn	6.461.200	6.461.200	2.355.200	2.355.200
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn	20.000	(*)	170.000	(*)
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	1.400.030	1.400.030	2.129.879	2.129.879
- Phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	1.122.773	1.122.773	3.528.936	3.528.936
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	776.800	776.800	-	-
- Phải thu về cho vay dài hạn và phải thu dài hạn khác	4.162.844	(*)	8.319.324	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	48.485.345	(*)	47.586.470	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	(33.068)	(33.068)	(87.836)	(87.836)
- Các khoản vay	(3.556.923)	(*)	(4.285.846)	(*)
	58.839.001	(*)	59.716.127	(*)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác, phải thu về cho vay ngắn hạn và nợ phải trả tài chính ngắn hạn phi phái sinh

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác, phải thu về cho vay ngắn hạn và nợ phải trả tài chính ngắn hạn phi phái sinh xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ này do tính chất ngắn hạn của chúng. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(c) Phòng ngừa rủi ro

Công ty áp dụng chính sách đảm bảo một tỷ lệ số dư chịu sự biến động lãi suất của các khoản vay được duy trì với lãi suất cố định. Các hợp đồng hoán đổi lãi suất đã được ký kết nhằm đạt được một cơ cấu phù hợp bao gồm các khoản chịu lãi suất cố định và lãi suất thả nổi theo chính sách của Công ty. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có các hợp đồng hoán đổi lãi suất với giá trị khoản vay liên quan là 3.556.923 triệu VND (1/1/2021: 4.285.846 triệu VND). Công ty không áp dụng chính sách kế toán phòng ngừa rủi ro.

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Công ty con		
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản An Thông</i>		
Cung cấp dịch vụ	837.771.999	1.910.746.132
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	20.000.000.000	30.979.341.669
<i>Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương</i>		
Cung cấp dịch vụ	15.895.049.050	23.239.097.416
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	3.096.610.551.538	620.306.552.999
Mua hàng hóa dịch vụ	59.899.916.800	465.117.981.600

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất		
Cung cấp dịch vụ	5.992.346.340	6.311.563.580
Các khoản cho vay	424.000.000.000	1.052.000.000.000
Nhận thanh toán gốc vay	2.086.315.545.207	-
Mua hàng hóa dịch vụ	35.015.486.640	49.747.024.800
Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên		
Cung cấp dịch vụ	7.960.594.735	10.010.259.130
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	513.121.702.945	226.334.043.705
Mua hàng hóa dịch vụ	-	5.029.804.500
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát		
Cung cấp dịch vụ	6.979.662.300	13.933.909.670
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	800.000.000.000	563.613.030.932
Các khoản cho vay	-	25.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	25.000.000.000
Công ty TNHH Tôn Hòa Phát		
Cung cấp dịch vụ	9.842.815.190	3.603.557.408
Lợi nhuận giảm trừ từ công ty con	10.432.278.271	-
Các khoản cho vay	-	160.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	80.000.000.000
Công ty TNHH Chế tạo kim loại Hòa Phát		
Cung cấp dịch vụ	1.191.658.931	1.227.297.423
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát		
Cung cấp dịch vụ	1.586.147.248	4.584.427.965
Mua hàng hóa dịch vụ	174.900.006	-
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	25.000.000.000	50.445.913.735
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát		
Cung cấp dịch vụ	1.357.928.447	1.352.311.767
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	-	500.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát		
Cung cấp dịch vụ	548.227.202	599.615.626
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	731.094.550.000	313.400.000.000
Lợi nhuận được chia từ công ty con	730.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển Hòa Phát		
Cung cấp dịch vụ	810.882.912	13.557.198
Các khoản cho vay	281.000.000.000	-
Nhận thanh toán gốc vay	15.000.000.000	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nhơn Trạch		
Cung cấp dịch vụ	4.931.606	5.304.699
Các khoản cho vay	-	4.500.000.000
Công ty TNHH MTV Ống thép Hòa Phát Bình Dương		
Cung cấp dịch vụ	615.920.633	381.590.201
Công ty TNHH MTV Ống thép Hòa Phát Long An		
Cung cấp dịch vụ	126.129.778	123.886.307
Công ty TNHH Thép dây Hòa Phát		
Cung cấp dịch vụ	36.854.254	10.167.195
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	17.000.000.000
Công ty TNHH Chế tạo cơ khí Hòa Phát		
Cung cấp dịch vụ	333.772.677	328.787.354
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	7.000.000.000
Công ty TNHH MTV Thép dự ứng lực Hòa Phát		
Cung cấp dịch vụ	16.352.281	-
Công ty Cổ phần Golden Gain Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	67.353.903	63.352.309
Công ty Cổ phần Xây dựng Long Việt		
Cung cấp dịch vụ	1.259.674.853	1.293.903.460
Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát		
Cung cấp dịch vụ	867.929.123	869.816.022
Công ty Cổ phần Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát		
Cung cấp dịch vụ	1.434.383.107	901.614.108
Mua hàng hóa dịch vụ	2.755.428	-
Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên		
Cung cấp dịch vụ	745.070.456	742.482.593
Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Đồng Nai		
Cung cấp dịch vụ	462.739.588	389.626.901
Công ty TNHH Gia cầm Hòa Phát		
Cung cấp dịch vụ	365.049.722	720.142.493

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình		
Các khoản cho vay	40.000.000.000	195.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	138.800.000.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Hùng (trước đây là Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Việt Hùng)		
Các khoản cho vay	30.000.000.000	-
Nhận thanh toán gốc vay	26.500.000.000	-
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phước		
Cung cấp dịch vụ	217.825.060	187.422.609
Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ		
Cung cấp dịch vụ	367.210.339	-
Mua hàng hóa dịch vụ	36.142.000	40.387.000
Công ty Cổ phần phát triển Bất động sản Hòa Phát Sài Gòn		
Cung cấp dịch vụ	13.120.732	-
Công ty CP Sản xuất Container Hòa Phát		
Cung cấp dịch vụ	15.509.046	-
Công ty TNHH Chăn nuôi Đồng Phát (trước đây là Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Đồng Phát)		
Các khoản cho vay	65.000.000.000	-
Nhận thanh toán gốc vay	21.700.000.000	-
Công ty Cổ phần Gang thép Hòa Phát		
Chuyển nhượng công ty con	38.699.180.000.000	-
Góp vốn	38.999.220.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản phẩm Thép Hòa Phát		
Chuyển nhượng công ty con	3.499.500.000.000	-
Góp vốn	4.387.450.000.000	-
Công ty CP Phát triển Bất động sản Hòa Phát		
Chuyển nhượng công ty con	1.447.500.000.000	-
Góp vốn	1.998.000.000.000	-
Cung cấp dịch vụ	165.527.820	-
Thành viên của Hội đồng Quản trị		
Thù lao	17.710.000.000	25.240.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Thành viên của Ban Giám đốc		
Lương và thưởng	2.000.000.000	780.000.000
Thành viên của Ban Kiểm soát		
Thù lao, lương và thưởng	645.500.257	376.777.203

36. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư và tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	11.596.400.470.000	-

37. Thông tin so sánh

Thông tin sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

26-08-2021

Người lập:



Nguyễn Diệu Linh
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh
 Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Thắng
 Tổng Giám đốc